

Số: 28/2020/QĐST-KDTM

Thuỷ Nguyên, ngày 05 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết T bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết T bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Tiến T sinh năm 1987; địa chỉ: Số 199 B, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 53155.19 ngày 06/11/2019).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị B sinh năm 1987 và anh Nguyễn Văn V sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Thôn 12, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V: Ông Nguyễn Văn Đ (Văn bản uỷ quyền chứng thực ngày 02/4/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1959;

Bà Mạc Thị C sinh năm 1961;

Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1988;

Chị Lê Thị P sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Thôn 12, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mạc Thị C, anh T và chị Lê Thị P: Ông Nguyễn Văn Đ (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 02/4/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 981/HĐTD1-VIB32/11 ngày 25/10/2011 và Hợp đồng tín dụng số 189/HĐTD1-VIB32/12 ngày 31/5/2012: Đến ngày 28/5/2020 chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền là 1.001.260.044 đồng; trong đó nợ gốc 341.949.450 đồng, nợ lãi trong hạn 93.715.520 đồng, nợ lãi quá hạn 565.595.074 đồng.

- Chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V nhận trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền Ngân hàng đã tạm ứng chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án:

Đối với số nợ theo Hợp đồng tín dụng: Kể từ ngày 29/5/2020 cho đến khi thi hành án xong, chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đối với số tiền chi phí định giá tài: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về phương án trả nợ: Chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T bộ số nợ gốc, lãi trên trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 6 năm 2020 đến hết tháng 11 năm 2020; số tiền trả mỗi tháng tối thiểu là 5.000.000 đồng vào dư nợ gốc. Đến hết tháng 11/2020 chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V phải tất toán T bộ khoản vay của hợp đồng và khoản tiền chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng.

Trường hợp chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào như đã thỏa thuận ở trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất diện tích 502m² tại thửa đất số 901, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Xóm 12, xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, đứng tên người sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 851811 ngày 06 tháng 7 năm 2007, sổ vào sổ cấp giấy 00035/QSĐĐ/HP.TN.AS (Được sửa đổi, bổ

sung tại Phụ lục số 189/PL-BĐ/017, công chứng tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng ngày 01/6/2012 - Số công chứng 2443).

Trường hợp phát mại tài sản nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

- Về án phí: Chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn V nhận nộp T bộ 21.019.000 đồng về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và 150.000 đồng án phí đối với số tiền chi phí định giá tài sản phải thanh toán trả cho Ngân hàng; cộng thành 21.169.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 19.400.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng, biên lai số 0003261 ngày 16/12/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự và người đại diện;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Dũng